

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Minh và Ông Nguyễn Thái Hòa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020. Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST - HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: thôn Phú Y, xã Yên L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

Bị đơn: Anh Không M, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: thôn Phú Y, xã Yên L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị với anh Không M sống như vợ chồng từ cuối năm 2013 đến tháng 6/2015 chị và anh M mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên L, huyện V. Tổ chức cưới xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh M ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận thời gian ngắn đến tháng 7/2015 chị đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản đến đầu năm 2019 chị về vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng,

nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày từ khi chị về nước tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không quan tâm, thăm hỏi gì đến nhau và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nên đến tháng 10/2019 chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã Phúc L, huyện M, thành phố Hà Nội ở từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh M.

Bị đơn anh Khổng M tại phiên tòa vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay, hai bên vợ chồng và gia đình không giàn xếp gì. Như chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Chị H và anh M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Khổng Đăng Q, sinh ngày 05/01/2014. Hiện nay cháu Q đang ở với anh M. Ly hôn anh M yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung Khổng Đăng Q đến khi trưởng thành về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh sẽ yêu cầu sau. Quan điểm của H hiện nay cháu Q đang ở với anh M, chị nhất trí để anh M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M 1.000.000đ/tháng. Kể từ tháng 8/2020 đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành vắng mặt không lý do. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì và Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H. Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Khổng M.

Về con chung: Giao cho anh M được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Khổng Đăng Q, sinh ngày 05/01/2014 đến khi trưởng thành, công nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M

1.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện anh Khổng M tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, Chị H có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn anh M. Bị đơn anh M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Yên 4 xã Yên L, huyện V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện V. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 69 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Khổng M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên L, huyện V. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến không thăm hỏi quan tâm đến nhau. Do vậy từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay hai bên không thăm hỏi nhau. Tại phiên tòa anh M vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản tự khai anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý được ly hôn chị H. Việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh M là hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Nhưng do anh M vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh M.

Về nuôi con chung: Chị H và anh M xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Khổng Đăng Q, sinh ngày 05/01/2014. Hiện nay cháu Q đang ở với anh M. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh M thỏa thuận để anh M tiếp tục nuôi con chung Khổng Đăng Q đến khi trưởng thành. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con anh M chưa có yêu cầu gì. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020 đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy sự tự nguyện của chị H là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị H và anh M không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét quyết định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Không M.

2/ Về nuôi con chung: Giao cho anh Không M tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Không Đăng Q, sinh ngày 05/01/2014 đến khi trưởng thành (hiện nay cháu Q đang ở với anh M). Xác nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020 đến khi cháu Q trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: AA/2017/0004845 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Vĩnh Tường. Chị H phải nộp tiếp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên L;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiên Thành

